

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 10/2023/HS - ST
Ngày 14 - 02 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Năm; Giáo viên, Phó Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bình Xuyên.

2. Bà Trần Thị Thu Trang; Giáo viên, Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Bình Xuyên.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Phượng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Giang Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự thụ lý số: 120/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2022/QĐXXST - HS ngày 19 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Văn V, sinh ngày 16 tháng 4 năm 1995, tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố S, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Th; vợ: Nguyễn Thị Băng T và có 02 con, (lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20 tháng 5 năm 2022 đến nay hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Băng T, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2000, “có mặt”.

Địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Dương Minh Đ, Luật sư; Chi nhánh Văn phòng Luật sư số 01 Vĩnh Phúc tại Hà Nội, “có mặt”.

Địa chỉ: Số 117, ngõ 562, đường L, phường L1, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Bà Trần Thị H, sinh năm 1980, (là mẹ chị T), “có mặt”.

-Ông Trần Văn H, sinh năm 1969, (là bố bị cáo V), “có mặt”.

- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1971, (là mẹ bị cáo V), “có mặt”.

- Ông Trần Văn S, sinh năm 1966, “có mặt”.

- Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1976, “vắng mặt”.

Đều cư trú tại: Tổ dân phố S, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

-Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

-Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1963, “vắng mặt”.

-Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1963, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015 chị Nguyễn Thị Băng T có quan hệ tình cảm yêu đương với Trần Văn V. Trong thời gian yêu nhau V và chị T đã có 04 lần quan hệ tình dục đồng thuận với nhau. Cụ thể: Trong khoảng thời gian giữa tháng 7 và tháng 8 năm 2015, V và T đã có 02 lần quan hệ tình dục tại 02 nhà nghỉ trên địa bàn huyện Bình Xuyên (cả hai đều không nhớ tên nhà nghỉ), ở thời điểm này chị Nguyễn Thị Băng T khoảng 14 tuổi 10 tháng. Tiếp theo đến khoảng tháng 12 năm 2015 và tháng 1 năm 2016, V và chị T lại tiếp tục có 02 lần quan hệ tình dục tại nhà ở của V. Thời điểm này chị T mới khoảng 15 tuổi 02 tháng. Đầu tháng 4 năm 2016, T đã đến một phòng khám tư nhân ở thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên kiểm tra sức khỏe, siêu âm thì phát hiện đã có thai được 03 tháng tuổi, về nhà T nói cho V và gia đình biết. Ngày 06 tháng 4 năm 2016, Trần Văn V đến nói chuyện với bà Trần Thị H là mẹ đẻ của chị T về việc V và chị T có quan hệ yêu đương và đã quan hệ tình dục với nhau dẫn đến chị T đã có thai và tự nguyện viết “Giấy cam kết” sẽ có trách nhiệm với chị T và sẽ cưới chị T làm vợ, chịu trách nhiệm về việc chị T mang thai. Nhưng do V biết chị T chưa đủ 16 tuổi không đăng ký kết hôn được, nên V nói dối với chị T đưa sổ hộ khẩu của gia đình chị T để V đi sửa ngày, tháng, năm sinh của chị T để làm sổ bảo hiểm y tế cho chị T, nhưng mục đích của V là sửa tuổi để đăng ký kết hôn với chị T. Chị T tin nên gặp bà Trần Thị H bảo “*V hỏi mượn sổ hộ khẩu nhà mình để làm sổ bảo hiểm y tế cho con, sau này đi để đỡ tiền viện phí, mẹ đưa sổ hộ khẩu cho con*”, bà Trần Thị H đồng ý và đưa sổ hộ khẩu cho chị T. Sau đó V mang quyền sổ hộ khẩu

do Công an xã Bá Hiến (nay là thị trấn Bá Hiến) cấp ngày 14 tháng 4 năm 2013 của gia đình chị T đến gặp bà Nguyễn Thị O, là người quen, V nói dối với bà O và nhờ bà O, nhờ người sửa tuổi để chị T đủ tuổi đi làm công nhân, nhờ bà O đi sửa giúp, nên được bà O đồng ý. Sau đó, bà O đã cầm quyền sở hộ khẩu do V đưa đi đến gặp ông Trần Văn S, lúc đó là Phó Trưởng Công an xã Bá Hiến, nhờ ông S sửa ngày, tháng, năm sinh của chị T để chị T đủ tuổi đi làm công nhân, vì nể nang và tin bà O nhờ sửa đổi sổ hộ khẩu để T đi làm công nhân là thật nên ông S đồng ý. Sau đó ông S đã lấy quyền sở đăng ký thường trú số 05 mẫu HK11 được ban hành theo Quyết định số 698/2007/QĐ-BCA (C1) do Công an xã Bá Hiến quản lý, lấy bút xóa sửa ngày, tháng, năm sinh của chị T từ 01 tháng 10 năm 2000 thành ngày 01 tháng 3 năm 1998. Sửa xong, ông S đã viết 01 quyền sở hộ khẩu mới, nội dung vẫn như cũ, chỉ thay đổi ngày tháng năm sinh của chị T như đã nêu trên và hủy bỏ quyền sở hộ khẩu cũ. Khi xong việc, ông S đưa lại quyền sở hộ khẩu mới cho bà O, rồi bà O đưa cho Trần Văn V (việc ông S sửa sổ hộ khẩu, ông S và bà O không lấy bất kỳ khoản tiền nào của V). Sau khi có sổ hộ khẩu mới, V và chị T bàn nhau tự ý đến Ủy ban nhân dân xã để đăng ký kết hôn mà không nói cho gia đình biết.

Ngày 08 tháng 4 năm 2016 (thời điểm này chị T được 15 tuổi 06 tháng 07 ngày), chị T và Trần Văn V mang quyền sở hộ khẩu mới ghi ngày, tháng, năm sinh của chị T là 01 tháng 3 năm 1998 đến Ủy ban nhân dân xã Bá Hiến (nay là thị trấn Bá Hiến) gặp ông Dương Văn Đ là Cán bộ Tư pháp - hộ tịch để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Do không biết quyền sở hộ khẩu bị thay đổi ngày, tháng, năm sinh của T nên cùng ngày Ủy ban nhân dân xã Bá Hiến đã cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 44 cho V và chị T, do ông Nguyễn Văn U ký (việc V và T đi đăng ký kết hôn thì gia đình bà H, bà O và ông S đều không biết). Sau khi đăng ký kết hôn xong, V tiếp tục đưa chị T đến Công an huyện Bình Xuyên làm thủ tục cấp căn cước công dân. Ngày 13 tháng 4 năm 2016, Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư - Bộ Công an đã cấp cho chị T 01 căn cước công dân số 026198003844 ghi ngày, tháng, năm sinh là 01 tháng 3 năm 1998. Sau khi đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 4 năm 2016, V cùng gia đình đến đón chị T về nhà gia đình V để chăm sóc nhưng không tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Ngày 12 tháng 8 năm 2016, chị T sinh ra cháu Trần Thị Mai H1 tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Phúc Yên. Ngày 22 tháng 8 năm 2016, Ủy ban nhân dân xã Bá Hiến đã cấp cho cháu Trần Thị Mai H1 Giấy khai sinh số 287. Tại thời điểm sinh ra cháu Trần Thị Mai H1, chị T 15 tuổi 10 tháng 11 ngày. Quá trình sinh sống cùng nhau, ngày 19 tháng 8 năm 2018, chị T và V tiếp tục sinh ra cháu Trần Thị Trà M.

Do trong quá trình sống chung V và chị T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nên Trần Văn V đã có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị T để chấm dứt hôn nhân,

yêu cầu giải quyết về nuôi con; ngày 25 tháng 10 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý yêu cầu của Trần Văn V; ngày 03 tháng 12 năm 2021, chị Nguyễn Thị Băng T đã có Đơn trình báo gửi Công an huyện Bình Xuyên tố cáo hành vi giao cấu của Trần Văn V với chị, khi chị chưa đủ 16 tuổi.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Xuyên đã trưng cầu Viện pháp y Quân đội, Trung tâm giám định pháp y tỉnh Vĩnh Phúc giám định ADN để xác định quan hệ huyết thống giữa chị Nguyễn Thị Băng T, Trần Văn V và cháu Trần Thị Mai H1; giám định khả năng tình dục của Trần Văn V.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021, Viện pháp y Quân đội có Kết luận giám định ADN số HT467.21/PY - XNSH, kết luận: *“Chị Nguyễn Thị Băng T và cháu Trần Thị Mai H1 có quan hệ huyết thống mẹ - con; Anh Trần Văn V và cháu Trần Thị Mai H1 có quan hệ huyết thống cha - con”*.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 36/TD, ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: *“Hiện tại dương vật của Trần Văn V...có khả năng cương cứng; có khả năng quan hệ tình dục”*.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, đại diện gia đình bị cáo là ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Th đã tự nguyện bồi thường tổn thất về tinh thần cho chị Nguyễn Thị Băng T số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Văn V đã thừa nhận toàn bộ hành vi giao cấu, quan hệ tình dục của mình với chị Nguyễn Thị Băng T như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số 128/CT-VKSBX ngày 24 tháng 10 năm 2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo Trần Văn V về tội “Giao cấu với trẻ em” theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Văn V về tội “Giao cấu với trẻ em” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng a, d khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015; đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 20 tháng 5 năm 2022; buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại tổn thất về tinh thần cho bị hại từ 08 đến 10 tháng lương cơ sở do nhà nước quy định

Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

Bị hại là Nguyễn Thị Băng T trình bày: Xác nhận những nội dung những lần bị cáo và chị quan hệ tình dục đồng thuận với nhau và dẫn đến chị có thai, rồi

sinh ra cháu Trần Thị Mai H1 và cháu Trần Thị Trà M; tại thời điểm bị cáo bắt đầu thực hiện hành vi quan hệ tình dục với chị và sinh ra cháu Mai H1 thì chị mới trên 14 tuổi và dưới 16 tuổi; nay Tòa án đưa ra xét xử đối với bị cáo V chị nhất trí với ý kiến đề nghị của diện Viện kiểm sát về tội danh và mức hình phạt đối với bị cáo V và chị yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tổn thất về tinh thần cho chị với số tiền là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa hôm nay, chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo V.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại là ông Dương Minh Đ trình bày: Quá trình điều tra và lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa có đủ căn cứ để khẳng định bị cáo đã có hành vi giao cấu với chị Nguyễn Thị Băng T và dẫn tới chị T có thai, sinh ra cháu Trần Thị Mai H1; tại thời điểm thực hiện hành vi, chị T chưa đủ 16 tuổi, xâm phạm đến sự phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần của chị T; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi của mình, vì vậy người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại nhất trí với tội danh và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nêu tại phiên tòa; đồng thời cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo như ý kiến của bị hại đã nêu tại phiên tòa; tuy nhiên người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên vì bồi thường của bị cáo như vậy là chưa thỏa đáng; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tiếp tục đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tổn thất về tinh thần cho chị T với số tiền là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Th thống nhất trình bày: Ông bà là bố mẹ của bị cáo V, việc bị cáo quan hệ tình dục với chị T dẫn đến chị T có thai ông bà không biết và không biết V và chị T đăng ký kết hôn, gia đình đôi bên mới tổ chức đám cưới theo phong tục; khi chị T tố cáo hành vi V giao cấu với chị T dẫn đến việc Trần Văn V bị bắt tạm giam thì ông bà nhận thấy có lỗi trong việc, để xảy ra tội phạm, việc đàm phán để hai gia đình đôi bên gia đình khắc phục hậu quả không thành, nên gia đình đã thống nhất ông Trần Văn H đã đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên để bồi thường tổn thất về tinh thần cho chị T với số tiền là 10.000.000 đồng, (*Mười triệu đồng*) là tiền của ông bà đã chi trả, nay ông bà không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho ông số tiền trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị O vắng mặt tại phiên tòa, ông Trần Văn S có mặt tại phiên tòa; người làm chứng là ông Dương Văn Đ, ông Nguyễn Văn U vắng mặt tại phiên tòa; trong giai đoạn điều tra bà O, ông S, ông Đ, ông U đã có những lời khai, phù hợp với lời khai của bị cáo cùng những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Xuyên, của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, của Kiểm sát viên, của người bào chữa cho bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[1.1]. Quá trình điều tra, bị cáo, người thân thích của bị cáo đã nhờ Luật sư bào chữa cho bị cáo, sau đó người thân thích của bị cáo đã rút lại yêu cầu Luật sư bào chữa cho bị cáo, tại phiên tòa bị cáo cũng nhất trí với việc rút yêu cầu Luật sư bào chữa cho mình và tự mình thực hiện việc bào chữa; sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị hại có yêu cầu Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình; nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút yêu cầu Luật sư bào chữa cho bị cáo và chấp nhận sự tham gia của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị hại.

[1.2]. Về áp dụng pháp luật: Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi vi phạm, thì Bộ luật Hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực thi hành và theo Điều 115 về tội “Giao cấu với trẻ em” của Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt nhẹ hơn so với tội “Giao cấu... với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi” của Bộ luật Hình sự năm 2015; để áp dụng có lợi cho người phạm tội theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, thì hành vi của Trần Văn V bị truy tố và bị đưa ra xét xử về tội “Giao cấu với trẻ em”, theo quy định tại Điều 115 của Bộ luật Hình sự năm 1999, là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn V đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, bị cáo khai nhận: Do có mối quan hệ tình cảm yêu đương giữa bị cáo và chị Nguyễn Thị Băng T, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2000, nên từ khoảng tháng 7 năm 2015 đến tháng 01 năm 2016 bị cáo đã thực hiện hành vi giao cấu với chị Nguyễn Thị Băng T nhiều lần, tại các nhà nghỉ trên địa bàn huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc và ở chính nhà ở, phòng ngủ của bị cáo; việc giao cấu được chị T đồng ý, thời điểm này chị T trên 13 tuổi và dưới 16 tuổi, dẫn đến chị T có thai và đến ngày 12 tháng 8 năm 2016, chị T đã sinh cháu Trần Thị Mai H1 tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Phúc Yên. Tại thời điểm sinh ra cháu Trần Thị Mai H1, chị T 15 tuổi 10 tháng 11 ngày.

[3]. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, sơ đồ hiện trường, các Kết luận giám định, cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, hành vi nhiều lần thực hiện giao cấu, quan hệ tình dục với chị Nguyễn Thị Băng T và dẫn tới hậu quả chị Tuyết có thai và sinh ra cháu Trần Thị Mai H1; tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi quan hệ tình dục, giao cấu với chị T thì chị T chưa đủ 16 tuổi, do đó có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Giao cấu trẻ em”; tội phạm được quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999

Nội dung Điều luật quy định.

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Phạm tội nhiều lần...

d) Làm nạn nhân có thai...”

[4]. Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã thực hiện hành vi giao cấu, quan hệ tình dục với đối tượng là trẻ em dưới 16 tuổi, đã xâm phạm sự phát triển bình thường về mặt tình dục, gây ảnh hưởng xấu đến tâm sinh lý, danh dự, nhân phẩm của người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi được pháp luật bảo vệ; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm bị cáo mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[5]. Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bố mẹ bị cáo là ông Trần Văn H đã bồi thường thay bị cáo một khoản tiền bồi thường tổn thất về tinh thần cho bị hại với số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện

Bình Xuyên, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; do đó ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cho rằng bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không phù hợp với tình tiết của sự việc; mặt khác tại phiên tòa bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, là các căn cứ để Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Do bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, trước khi phạm tội có nhân thân tốt, đáng được khoan hồng; nguyên nhân, điều kiện phạm tội cũng có một phần lỗi của bị hại và gia đình bị hại, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể ở địa phương thị trấn Bá Hiến nơi bị cáo, bị hại cư trú để cho tội phạm xảy ra, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015; chỉ cần xử phạt bị cáo ở mức dưới khung hình phạt, như mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị, cũng đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo, giúp bị cáo sửa chữa lỗi lầm, trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, chị T đề nghị bị cáo Trần Văn V phải bồi thường số tiền 400.000.000 đồng, đền bù tuổi thanh xuân và tiền nuôi dưỡng cháu Trần Thị Mai H1 và cháu Trần Thị Trà M đến tuổi trưởng thành. Trước ngày mở phiên tòa thì tại “Đơn đề nghị” ngày 12 tháng 02 năm 2023 của chị T gửi Hội đồng xét xử và tại phiên tòa bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổn hại về sức khỏe và tiền tổn thất về tinh thần cho chị T với số tiền 100.000.000 đồng, do có hành vi gây thương tích cho chị T vào ngày 12 tháng 8 năm 2021; Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với hành vi mà chị T trình bày chị bị gây thương tích gây tổn hại sức khỏe 3% và đã có đơn trình báo yêu cầu xử lý đối với Trần Văn V thì trong giai đoạn tiếp nhận tin báo về tội phạm của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Xuyên đã xác minh, làm rõ chưa đủ căn cứ để xử lý bị cáo về hành vi này; sau đó đến ngày 29 tháng 12 năm 2021 chị T đã có “Đơn xin rút đơn và miễn đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự” đối với sự việc thương tích. Do đó Hội đồng xét xử không giải quyết và chị T không có yêu cầu thiệt hại về sức khỏe trong vụ án này.

Đối với yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần; đền bù tuổi thanh xuân và khoản tiền cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu Trần Thị Mai H1 và cháu Trần Thị Trà M là con chung của chị và bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc bị cáo và bị hại giao cấu, quan hệ tình dục với nhau là đồng thuận, dẫn đến hậu quả bị cáo phải bị

đưa ra xét xử tại phiên tòa hôm nay và phải trả giá cho hành vi phạm tội của mình, mặt khác pháp luật về Hôn nhân và gia đình không quy định về bồi thường tuổi thanh xuân, hơn nữa hiện nay Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc đang thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình giữa bị cáo V và chị T nên nội dung yêu cầu này của chị T sẽ được Tòa án giải quyết trong vụ án ly hôn, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Việc bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường một khoản tiền bồi thường tổn thất về tinh thần là yêu cầu bảo vệ quyền nhân thân, theo quy định tại khoản 2 Điều 160 của Bộ luật Dân sự năm 2005 là có căn cứ; do đó cần áp dụng các Điều 307, 604, 606 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 584, 585, 592 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại từ 08 đến 09 tháng lương cơ sở theo quy định của Bộ luật Dân sự và mức lương cơ sở được áp dụng theo quy định tại Nghị định số 38/2019/NĐ – CP, ngày 09 tháng 5 năm 2019 là phù hợp. Do bố mẹ bị cáo là ông Trần Văn H, là đại diện gia đình đã bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên, do đó bị cáo được trừ vào số tiền bồi thường đã nộp.

[7]. Trong vụ án này còn có hành vi của bà Nguyễn Thị O nhờ ông Trần Văn S sửa ngày, tháng, năm sinh của chị Nguyễn Thị Băng T trong sổ hộ khẩu với mục đích để chị T đủ tuổi đi làm công nhân; ông Trần Văn S cũng đã có hành vi sửa ngày tháng năm sinh của chị Nguyễn Thị Băng T từ ngày 01 tháng 10 năm 2000 thành ngày 01 tháng 3 năm 1998 và cấp cho gia đình chị T 01 quyển sổ hộ khẩu mới, hành vi của ông S, bà O có dấu hiệu của tội làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức, ông Trần Văn S có dấu hiệu của tội sửa chữa các tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tuy nhiên ông S, bà O không có mục đích vụ lợi, đến khi vụ án của bị cáo Trần Văn V bị phát hiện thì đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự về tội làm giả giấy tờ, tài liệu của Cơ quan, tổ chức và tội sửa chữa giấy tờ tài liệu của cơ quan tổ chức đối với ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị O; mặt khác hành vi của ông S và bà O là hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 8 Nghị định số 167/2013/NĐCP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính Phủ. Ngày 09 tháng 8 năm 2022 Cơ quan điều tra – Công an huyện Bình Xuyên đã có công văn số 1275 đề nghị xử lý đối với hành vi của ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị O là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Ngày 09 tháng 9 năm 2022, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Xuyên đã có công văn số 1100/CV - CQĐT (Đ2) đề nghị UBND thị trấn Bá Hiến và Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận kết hôn số 44 mà UBND xã Bá Hiến đã cấp cho Trần Văn V và chị Nguyễn Thị

Băng T; đồng thời có công văn số 1101/CV – CQĐT (Đ2) đề nghị Công an thị trấn Bá Hiến thu hồi và hủy bỏ quyền sở hộ khẩu số 630313489 do Công an xã Bá Hiến cấp ngày 14 tháng 4 năm 2013 cho hộ gia đình bà Trần Thị H, sinh năm 1980 ở thôn S, xã B, (nay là tổ dân phố S, thị trấn B), huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, và có Công văn số 1102/CV - CQĐT (Đ2) đề nghị Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội Bộ Công an thu hồi căn cước công dân số 026198003844 do Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư - Bộ Công an cấp ngày 13 tháng 4 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị Băng T vì sai ngày tháng năm sinh nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn V phạm tội “Giao cấu với trẻ em ”.

Căn cứ điểm a, d, khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn V 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20 tháng 5 năm 2022.

Căn cứ các Điều 307, 604, 606 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 584, 585, 592, và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trần Văn V phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Băng T số tiền 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*) tổn thất về tinh thần do hành vi trái pháp luật của bị cáo gây ra; xác nhận gia đình bị cáo, đại diện là ông Trần Văn H đã bồi thường thay bị cáo số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) tại biên lai thu tiền số 0002096, ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên; bị cáo Trần Văn V phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Băng T tiếp số tiền là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

Khi chị Nguyễn Thị Băng T có đơn yêu cầu thi hành án mà Trần Văn V chưa thanh toán, trả cho chị T số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu một khoản lãi của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn V phải chịu 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), án phí dân sự trong án hình sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- CA huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Bị cáo; người bào chữa cho bị cáo;
- Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại.
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp;
- Người có QLVN liên quan;
- Lưu HSVA + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Tấn Tám

